



越南台灣商會聯合總會 投資經營委員會



法規指南 IG-250302 Điểm tin Pháp luật 2025-03-31

標題	2025 年 3 月生效的重點新政策
Tiêu đề	NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025
編撰	律師 裴氏明秋
Người soạn	Luật sư Bùi Thị Minh Thu
涉及範圍	新政策，政府組織架構，部門調整，旅遊免簽，電動汽車，契稅減免，欠稅，暫緩出境，駕照換發，大米出口，新規定，銀行借款，關聯交易，河床砂石，開採時間，重病援助
Phạm vi liên quan	Chính sách mới, cơ cấu tổ chức chính phủ, điều chỉnh bộ ngành, miễn thị thực du lịch, ô tô điện, miễn lệ phí trước bạ, nợ thuế, tạm hoãn xuất cảnh, đổi giấy phép lái xe, xuất khẩu gạo, quy định mới, vay ngân hàng, giao dịch liên kết, cát sỏi lòng sông, thời gian khai thác, hỗ trợ bệnh hiểm nghèo

2025 年 3 月生效的重點新政策

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025

在 2025 年 3 月，許多新政策將生效並開始實施，其中最引人注目的是與政府及各部門新組織結構相關的政策；旅遊免簽；電動汽車繼續免徵購置稅；因欠稅而被暫時禁止出境；駕照換發；關於大米出口的新規定；企業向銀行借款時的關聯交易規定等。

Trong tháng 03/2025, nhiều chính sách mới có hiệu lực và được áp dụng, nổi bật là các chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy mới của Chính Phủ, của các bộ, ngành; miễn thị thực du lịch; ô tô điện chạy pin tiếp tục được miễn lệ phí trước bạ; bị tạm xuất cảnh do nợ thuế; cấp đổi giấy phép lái xe; quy định mới về xuất khẩu gạo; giao dịch liên kết khi doanh nghiệp vay ngân hàng;....

1. 變更越南政府組織架構

Thay đổi cơ cấu tổ chức của Chính Phủ Việt Nam

自 2025 年 3 月 1 日起，第 63/2025/QH15 號政府組織法正式生效。據此，第十五屆國會任期內的政府新組織架構包括 14 個部門和 3 個部級機關（減少 4 個部門和 1 個部級機關）。具體如下：

Từ ngày 01/03/2025, Luật tổ chức chính phủ số 63/2025/QH15 có hiệu lực. Theo đó, cơ cấu tổ chức mới của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội Khóa XV gồm 14 Bộ và 3 cơ quan ngang Bộ (giảm 04 Bộ và 01 cơ quan ngang Bộ). Cụ thể:

- 14 個部門包括：國防部；公安部；外交部；司法部；教育與培訓部；醫療部；文化體育與旅遊部；工商部；內務部（由勞動榮軍與社會部與內務部合併而成）；財政部（由投資計劃部與財政部合併而成）；農業與環境部（由農業與農村發展部與自然資源與環境部合併而成）；建設部（由建設部與交通運輸部合併而成）；科學與技術部（由信息與通信部與科學與技術部合併而成）；民族與宗教部（由民族委員會改組而成）。

14 Bộ gồm: Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Ngoại giao; Bộ Tư pháp; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Công Thương; Bộ Nội vụ (hợp nhất từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ); Bộ Tài chính (hợp nhất từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (hợp nhất từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường); Bộ Xây dựng (hợp nhất từ Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải); Bộ Khoa học và Công nghệ (hợp nhất từ Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Khoa học và Công nghệ); Bộ Dân tộc và Tôn giáo (thành lập mới trên cơ sở Ủy ban Dân tộc).

- 3 個部級機關包括：越南國家銀行；政府檢查總署；政府辦公室。

03 cơ quan ngang Bộ gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra Chính phủ; Văn phòng Chính phủ.

2025 年 3 月生效的重點新政策

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025

2. 政府部門與機構的組織架構變更

Thay đổi cơ cấu tổ chức của các Bộ, Ngành

自 2025 年 3 月 1 日起，許多關於各部門、機構（如：教育與培訓部；司法部；越南科學技術翰林院；越南社會科學翰林院；政府辦公室；外交部；越南通訊社；內務部；越南國家銀行；民族與宗教部；工商部）的職能、任務、權限及組織架構的政府法規正式生效，具體內容如下：

Từ 01/03/2025, nhiều Nghị định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành (như: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tư pháp; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Văn phòng Chính phủ; Bộ Ngoại giao; Thông tấn xã Việt Nam; Bộ Nội vụ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Bộ Công thương) có hiệu lực, gồm:

- 第 36/2025/NĐ-CP 號議定，規定政府辦公室的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，政府辦公室設有 18 個單位（比此前減少 2 個單位）。

Nghị định 36/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ. Theo đó, Văn phòng Chính phủ có 18 đơn vị (giảm 02 đơn vị so với trước đây).

- 第 25/2025/NĐ-CP 號議定，規定內務部的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，在內務部與勞動榮軍與社會部合併後，內務部共有 22 個單位（其中 18 個行政單位與 4 個公立事業單位）（比此前減少 13 個單位）。

Nghị định số 25/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ. Theo đó, Bộ Nội vụ có 22 đơn vị (18 đơn vị hành chính và 04 đơn vị sự nghiệp công lập) sau khi hợp nhất Bộ Nội vụ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (giảm 13 đơn vị so với trước đây).

- 第 28/2025/NĐ-CP 號議定，規定外交部的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，外交部設有 25 個單位（比此前減少 3 個單位）。

Nghị định số 28/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao. Theo đó, Bộ Ngoại giao gồm 25 đơn vị (giảm 03 đơn vị so với trước đây).

- 第 39/2025/NĐ-CP 號議定，規定司法部的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，司法部設有 20 個單位（比此前減少 5 個單位）。

Nghị định số 39/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Theo đó, Bộ Tư pháp gồm 20 đơn vị (giảm 05 đơn vị so với trước đây).

- 第 37/2025/NĐ-CP 號議定，規定教育與培訓部的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，教育與培訓部設有 18 個單位（比此前減少 5 個單位）。

2025 年 3 月生效的重點新政策

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025

Nghị định số 37/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 18 đơn vị (giảm 05 đơn vị so với trước đây).

- 第 26/2025/NĐ-CP 號議定，規定越南國家銀行的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，越南國家銀行設有 20 個直屬單位，包括 18 個行政單位和 2 個公立事業單位（比此前減少 6 個單位）。

Nghị định số 26/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm 20 đơn vị trực thuộc: 18 đơn vị hành chính và 02 đơn vị sự nghiệp công lập (giảm 06 đơn vị so với trước đây).

- 第 40/2025/NĐ-CP 號議定，規定工商部的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，工商部設有 22 個單位（比此前減少 6 個單位）。

Nghị định số 40/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương. Theo đó, Bộ Công thương còn 22 đơn vị (giảm 06 đơn vị so với trước đây).

- 第 41/2025/NĐ-CP 號議定，規定民族與宗教部的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，民族與宗教部設有 13 個單位。

Nghị định số 41/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Theo đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm 13 đơn vị.

- 第 27/2025/NĐ-CP 號議定，規定越南通訊社的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，越南通訊社設有 22 個單位（比此前減少 6 個單位）。

Nghị định số 27/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam. Theo đó, Thông tấn xã Việt Nam gồm 22 đơn vị (giảm 06 đơn vị so với trước đây).

- 第 38/2025/NĐ-CP 號議定，規定越南科學技術翰林院的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，該院設有 24 個單位（比此前減少 14 個單位）。

Nghị định số 38/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Theo đó, Viện này gồm 24 đơn vị (giảm 14 đơn vị so với trước đây).

- 第 32/2025/NĐ-CP 號議定，規定越南社會科學翰林院的職能、任務、權限及組織架構。根據該議定，該院設有 26 個單位（比此前減少 12 個單位）。

Nghị định số 32/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Theo đó, Viện này gồm 26 đơn vị (giảm 12 đơn vị so với trước đây).

2025 年 3 月生效的重點新政策

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025

3. 給三個國家之公民豁免入境越南旅遊簽證

Miễn thị thực cho 3 nước nhập cảnh vào Việt Nam du lịch

自 2025 年 3 月 1 日起，根據政府第 11/NQ-CP 號決議，越南對以下三個國家之公民實行免簽政策：波蘭共和國、捷克共和國和瑞士聯邦。這些國家的公民可以旅遊目的享受 45 天的暫住期限（自入境之日起計算）。

Từ ngày 01/3/2025, theo Nghị Quyết 11/NQ-CP của Chính Phủ, Việt Nam miễn thị thực cho công dân của 03 nước gồm: Cộng Hòa Ba Lan, Cộng Hòa Séc, và Liên bang Thụy Sĩ với thời hạn tạm trú 45 ngày kể từ ngày nhập cảnh với mục đích du lịch.

4. 電動汽車繼續享受 100% 契稅減免

Ô tô điện chạy pin tiếp tục được miễn 100% lệ phí trước bạ

自 2025 年 3 月 1 日起至滿 2027 年 2 月 28 日止，根據由 2025 年 3 月 1 日第 51/2025/NĐ-CP 號議定修訂、補充若干條款之 2022 年 1 月 15 日第 10/2022/NĐ-CP 號議定，電動汽車將繼續享受 100% 契稅減免（即適用 0% 稅率）。

Từ ngày 01/3/2025 đến hết ngày 28/2/2027, ô tô điện chạy pin sẽ được tiếp tục miễn thuế trước bạ (tức là mức thu 0%) theo Nghị định 51/2025/NĐ-CP ngày 01/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/1/2022 của Chính phủ.

5. 欠稅將被暫緩出境

Nợ thuế sẽ bị tạm hoãn xuất cảnh

自 2025 年 3 月 1 日起，根據政府於 2025 年 2 月 28 日頒布之第 49/2025/NĐ-CP 號議定，企業法律代表人在以下兩種情況下將被暫緩出境：1) 企業欠稅金額自 5 億越盾以上，且欠稅已超過法定繳納期限 120 天（屬於被強制執行有關稅務管理行政決定的對象）；2) 企業不在已登記活動地址運營，且仍有逾期未繳納的欠稅款，並自稅務管理機構通知將適用暫緩出境措施之日起 30 天時間內而仍不完成稅務義務。

Từ ngày 01/3/2025, theo Nghị định 49/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp sẽ bị tạm hoãn xuất cảnh trong 02 trường hợp sau: 1) Doanh nghiệp có số tiền thuế nợ từ 500 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày (thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế); 2) Doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định và sau thời gian 30 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế thông báo về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

2025 年 3 月生效的重點新政策

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025

對於外國個人而言，在離開越南前，若該個人有逾期未繳的稅款且尚未履行納稅義務，無論欠稅金額多少，都將被暫緩出境。

Đối với cá nhân người nước ngoài, trước khi xuất cảnh từ Việt Nam mà cá nhân đó có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, bất kể nợ thuế bao nhiêu thì đều sẽ bị tạm hoãn xuất cảnh.

6. 可直接在社、坊公安機關辦理更換或補發駕照

Được đổi, cấp lại Giấy phép lái xe trực tiếp tại công an xã, phường

自 2025 年 3 月 1 日起，由於不再設立縣級公安機關，民眾可根據第 12/2025/TT-BCA 號通知第 21 條第 3 款第 a 點在有佈置駕照更換、補發申請文件受理點的社、坊、市鎮公安機關辦理駕照的更換、補發手續，

Từ ngày 01/3/2025, do không còn công an cấp huyện nên người dân có thể thực hiện cấp đổi Giấy phép lái xe tại Công an xã, phường, thị trấn, nơi được bố trí điểm tiếp nhận hồ sơ cấp đổi Giấy phép lái xe theo điểm a khoản 3 Điều 21 Thông tư 12/2025/TT-BCA.

在公安機關辦理駕照的新發、補發及更換費用：135,000 越盾/次。

Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy phép lái xe trực tiếp tại cơ quan Công an: 135.000 đồng/lần cấp.

7. 適用新的大米出口規定

Áp dụng quy định mới về xuất khẩu gạo

自 2025 年 3 月 1 日起，政府於 2025 年 1 月 1 日頒布第 01/2025/NĐ-CP 號議定，對政府於 2018 年 8 月 15 日頒布關於大米出口業務之第 107/2018/NĐ-CP 號議定修改、補充若干條款，將正式生效。

Từ ngày 01/3/2025, Nghị định 01/2025/NĐ-CP ban hành ngày 01/01/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15/8/2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo có hiệu lực.

據此，一些值得關注關於大米出口業務的新規定包括：

Theo đó, một số quy định mới đáng chú ý về kinh doanh xuất khẩu gạo có thể kể đến như:

- 關於大米出口經營權：補充規定擁有《大米出口經營條件證書》的企業，僅能委託或接受委託出口大米給/從同樣擁有該證書的企業。

2025 年 3 月生效的重點新政策

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025

- Về quyền kinh doanh xuất khẩu gạo: Bổ sung quy định Thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo chỉ được ủy thác xuất khẩu hoặc nhận ủy thác xuất khẩu từ thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.

- 關於大米出口經營企業的責任：大米出口經營企業需於每月 5 號前向工商部及企業總部、倉庫、碾米或稻米加工設施駐所在地工商廳報告其實際庫存稻穀、大米數量（按具體種類分類），同時抄送越南糧食協會以彙總數據，服務於調控工作（而非如之前第 107/2018 號議定中規定的每週四定期報告）。

- Về trách nhiệm của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo: Định kỳ trước ngày 05 hàng tháng thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo báo cáo Bộ Công Thương, Sở Công Thương nơi thương nhân có trụ sở chính, có kho, có cơ sở xay, xát hoặc cơ sở chế biến thóc, gạo đồng thời sao gửi Hiệp hội Lương thực Việt Nam về lượng thóc, gạo thực tế tồn kho của thương nhân theo từng chủng loại cụ thể để tổng hợp số liệu phục vụ công tác điều hành. (Thay vì phải báo cáo định kỳ vào Thứ 5 hàng tuần như tại Nghị định 107/2018).

- 補充關於撤銷《符合大米出口經營條件證書》的情況：若工商部發出催告文件後 45 天內，仍未收到大米出口經營企業依第 107/2018 號議定第 24 條第 1、2 款規定提交的報告，該企業將被撤銷《符合大米出口經營條件證書》。

- Bổ sung trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo: Trường hợp sau 45 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành văn bản đơn đốc thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo mà Bộ Công Thương không nhận được báo cáo của thương nhân theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Nghị định 107/2018 thì thương nhân sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.

8. 變更河床砂石開採時間框架

Thay đổi khung thời gian khai thác cát, sỏi lòng sông

根據於 2025 年 1 月 11 日頒布有關修改、補充礦產領域相關議定的若干條款之第 10/2025/NĐ-CP 號議定，自 2025 年 3 月 1 日起，河床砂石開採許可證必須明確規定每日允許開採時間，從 05:00 至 19:00，以及全年開採時間的相關規定。（根據第 23/2020/NĐ-CP 號議定的舊規定，開採時間為 07:00 至 17:00，且禁止夜間開採）。根據地理位置、氣候條件、天氣狀況和水文特性，省級人委會將決定每個許可證和註冊文件的具體開採時間，但不得超過上述規定的時間框架。

Từ ngày 01/3/2025, theo Nghị định 10/2025/NĐ-CP ban hành ngày 11/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực khoáng sản, Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông phải có nội dung về thời gian được phép hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trong ngày, từ 05 giờ đến 19 giờ; quy định về thời gian khai thác trong năm (Theo quy định cũ tại Nghị định số 23/2020/NĐ-

2025 年 3 月生效的重點新政策

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025

CP thì khung thời gian khai thác từ 07 giờ sáng đến 05 giờ chiều, không được khai thác ban đêm). Căn cứ vị trí địa lý, điều kiện khí hậu, thời tiết, thủy văn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian khai thác cụ thể đối với từng giấy phép, hồ sơ đăng ký nhưng không vượt quá khung thời gian quy định nêu trên.

9. 自 2025 年 3 月 1 日起，35 種重病可發起自願捐款支援患者

35 bệnh hiểm nghèo có thể kêu gọi tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân từ 01/3/2025

自 2025 年 3 月 1 日起，根據醫療部第 50/2024/TT-BYT 號通訊，將有多達 35 種重病可由個人發起自願捐款以支援患者。

Từ ngày 01/3/2025, theo Thông tư số 50/2024/TT-BYT của Bộ Y tế, sẽ có tới 35 bệnh hiểm nghèo được cá nhân kêu gọi đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân.

其中，由李斯特菌引起的重度腦膜炎和腦膜腦炎；重度敗血症，需使用血液透析、人工心肺等技術；急性麻痺症（脊髓灰質炎）併發後遺症，無法恢復；HIV 導致的感染性疾病和寄生蟲病/惡性腫瘤/其他確定性疾病/其他病症，其中處於愛滋病（AIDS）期並伴有機會性感染、無法自理；晚期惡性腫瘤；併發症性後天性溶血性貧血；其他類型的併發性骨髓衰竭；對常規治療無反應的特發性血小板減少性紫癜等。

Trong đó, có bệnh Viêm màng não và viêm não màng não do Listeria mức độ nặng; Nhiễm khuẩn huyết mức độ nặng, phải sử dụng kỹ thuật như lọc máu, tim phổi nhân tạo; Bệnh bại liệt cấp có di chứng, không có khả năng phục hồi; Bệnh HIV dẫn đến bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng/gây u ác tính/dẫn đến các bệnh xác định khác/bệnh lý khác trong đó, HIV giai đoạn AIDS đang có các nhiễm trùng cơ hội, không có khả năng tự chăm sóc bản thân; U ác tính giai đoạn cuối; Thiếu máu tan máu mắc phải có biến chứng; Các thể suy tủy xương khác có biến chứng; Ban xuất huyết giảm tiểu cầu vô căn không đáp ứng với điều trị thông thường...

10. 提高民兵自衛隊的福利待遇和政策水平

Nâng mức hưởng các chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ

自 2025 年 3 月 23 日起，根據政府於 2025 年 2 月 4 日頒布修改、補充關於常備民兵社會保險制度之規定之第 16/2025/NĐ-CP 號議定，新的民兵自衛隊指揮職務津貼標準規定如下：

Từ ngày 23/3/2025, theo Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 4/2/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ bảo hiểm xã hội cho dân quân thường trực, mức phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ theo quy định mới như sau:

- 社級軍事指揮部指揮長、政治員；機關、組織軍事指揮部指揮長、政治員可享受的津貼為 561,600 越盾/月（舊規定為 357,600 越盾/月）。

2025 年 3 月生效的重點新政策

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025

Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức được hưởng phụ cấp là 561.600 đồng/tháng (quy định cũ là 357.600 đồng/tháng).

- 社級軍事指揮部副指揮長、副政治員；機關、組織軍事指揮部副指揮長、副政治員；營長、營政治指導員；海團長、海團政治員；海隊長、海隊政治員；民兵自衛機動營大隊長、政治員可享受的津貼為 514,800 越盾/月（舊規定為 327,800 越盾/月）。

Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn; Hải đoàn trưởng, Chính trị viên hải đoàn; Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội dân quân thường trực; Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội dân quân tự vệ cơ động được hưởng phụ cấp là 514.800 đồng/tháng (quy định cũ là 327.800 đồng/tháng).

- 副營長、副營政治員；副海團長、副海團政治員；副海隊長、副海隊政治員；民兵自衛機動營副大隊長、副政治員可享受的津貼為 491,400 越盾/月（舊規定為 312,900 越盾/月）。

Phó Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên phó tiểu đoàn; Phó Hải đoàn trưởng, Chính trị viên phó hải đoàn; Phó Hải đội trưởng, Chính trị viên phó hải đội dân quân thường trực; Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội dân quân tự vệ cơ động được hưởng phụ cấp là 491.400 đồng (quy định cũ là 312.900 đồng/tháng).

- 大隊長、大隊政治員；海隊長、海隊政治員；機動民兵中隊長、常備民兵中隊長可享受的津貼為 468,000 越盾/月（舊規定為 298,000 越盾/月）。

Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội; Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội; Trung đội trưởng dân quân cơ động, Trung đội trưởng dân quân thường trực được hưởng phụ cấp là 468.000 đồng (quy định cũ là 298.000 đồng/tháng).

11. 有關聯交易企業向銀行貸款時的稅務管理規定

Sửa đổi quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết khi vay ngân hàng

自 2025 年 3 月 27 日起，根據政府於 2025 年 2 月 10 日頒布之第 20/2025/NĐ-CP 號議定，對於 2020 年 11 月 5 日頒布之第 132/2020/NĐ-CP 號議定進行修訂，以下兩種企業向銀行或信用組織貸款的情況將不再屬於關聯交易：

Từ ngày 27/3/2025, theo Nghị định 20/2025/NĐ-CP ngày 10/2/2025 sửa đổi Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020, 02 trường hợp doanh nghiệp vay Ngân hàng, tổ chức tín dụng dưới đây không còn là quan hệ liên kết. Cụ thể:

2025 年 3 月生效的重點新政策

NHỮNG CHÍNH SÁCH MỚI NỔI BẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 03/2025

- 若擔保方或貸款方為信貸機構或具有銀行業務職能的其他機構（未直接或間接參與經營、控制、出資或投資於被擔保企業/借款企業），且其提供的貸款至少相當於借款企業所有者出資的 25%，並佔該企業所有中長期貸款總餘額的 50% 以上；或

Nếu Bên bảo lãnh hoặc cho vay vốn ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng dư nợ tất cả các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay là Tổ chức tín dụng, tổ chức khác có chức năng hoạt động ngân hàng (không tham gia trực tiếp, gián tiếp điều hành, kiểm soát, góp vốn, đầu tư vào doanh nghiệp được bảo lãnh/doanh nghiệp đi vay); hoặc

- 若擔保方或貸款方為信貸機構或具有銀行業務職能的其他機構，且該機構與被擔保企業/借款企業未直接或間接同受另一方經營、控制、出資或投資，並且其貸款至少相當於借款企業所有者出資的 25%，佔該企業所有中長期貸款總餘額的 50% 以上。

Nếu Bên bảo lãnh hoặc cho vay vốn ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng dư nợ tất cả các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay là Tổ chức tín dụng, tổ chức khác có chức năng hoạt động ngân hàng mà tổ chức này và doanh nghiệp được bảo lãnh/doanh nghiệp đi vay không trực tiếp, gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn, đầu tư của một bên khác.



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



越南台灣商會聯合總會

投資經營委員會 孔祥平主委

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com

www.everwin-group.com